

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DS-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Ông Phạm Chiên Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 16 và 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Duy T, sinh năm 1946; thường trú: Số 8, đường 14, Cư xá Chu Văn An, Phường 26, quận B, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: 45D, đường 28, khu phố L, phường L, Quận 9, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Văn C, sinh năm 1983; thường trú: khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018). Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; thường trú: BT6, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Hồng Đ, sinh năm 1951; thường trú: 20 đường 5, tổ 5, Giãn Dân, phường L, Quận 9, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Văn C, sinh năm 1983; thường trú: khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018). Có mặt

2. Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1969; thường trú: 64F, khu phố 4, phường Ba, thành phố B, tỉnh Đ; tạm trú: BT6, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Anh Hà Duy C, sinh năm 1980; thường trú: 63/79 đường số 8, phường L, Quận T, Thành phố H; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lê Văn Chuẩn trình bày:

Trước đây, ông Hà Duy T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Thanh H, giữa hai bên đã hoàn tất xong thủ tục chuyển nhượng, bà Lê Thị Thanh H còn nợ lại ông Hà Duy T số tiền từ việc chuyển nhượng là 650.000.000 đồng. Sau đó bà Nguyễn Thị H có nhu cầu mua lại quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Thanh H, nguồn gốc đất do bà Lê Thị Thanh H nhận chuyển nhượng từ ông Hà Duy T. Bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị Thanh H đã hoàn tất xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Hà Duy T đồng ý để bà Lê Thị Thanh H chuyển giao toàn bộ số tiền còn thiếu 650.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng sang cho bà Nguyễn Thị H.

Vào ngày 30/6/2015, ông Hà Duy T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận lập vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại D để chuyển giao toàn bộ số tiền còn thiếu 650.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang thành số tiền vay. Số tiền trên là số tiền chung của vợ chồng ông Hà Duy T và bà Võ Hồng Đ.

Tại vi bằng, hai bên thỏa thuận hình thức thanh toán “*Vợ chồng bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hà Duy T bằng hình thức trả dần hàng tháng cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Techcombank (để giảm bớt một phần nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Hà Duy C tại Ngân hàng Techcom bank)*”. Thời hạn bắt đầu thanh toán, mặc dù hai bên không thỏa thuận trong vi bằng nhưng cả hai đều thống nhất bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015, mỗi tháng thanh toán 14.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên, sau thỏa thuận bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng như cam kết, tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 bà Nguyễn Thị H thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của ông Hà Duy C với tổng cộng số tiền 185.021.000 đồng, sau đó bà Nguyễn Thị H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ.

Vào ngày 15/11/2017 bà Nguyễn Thị H có xác nhận vào giấy đề nghị với nội dung *“Về phần nợ cũ còn lại cộng luôn lãi tính đến tháng 11/2017 là: 564.000.000 đồng. Về số nợ này tôi sẽ trả cho ông Trình vào tháng 1/2018”*. Đến tháng 01/2018 do không trả số tiền đã xác nhận nên bà Nguyễn Thị H có lập giấy biên nhận ngày 21/1/2018 với nội dung xác nhận lại còn thiếu của ông Hà Duy T số tiền 564.000.000 đồng và hứa sau tết nguyên đán sẽ thanh toán cho ông Trình, nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn không thực hiện việc trả tiền cho ông Hà Duy T.

Ông Hà Duy T đã nhắc nhở bà Nguyễn Thị H nhiều lần thanh toán số tiền nợ trên nhưng bà Hường vẫn không thực hiện. Ông Hà Duy T đã khởi kiện, trong đơn khởi kiện ông Hà Duy T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu 650.000.000 đồng thỏa thuận trong vi bằng, tiền lãi 165.750.000 đồng, tổng cộng 815.750.000 đồng, yêu cầu giải quyết số tiền vay mà không yêu cầu giải quyết các giao dịch còn lại trong nội dung của vi bằng. Trong quá trình tố tụng ông Hà Duy T có thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu 564.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 39.480.000 đồng, tổng cộng 603.480.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu 464.979.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2016 là 650.000.000 đồng x 09 tháng x 0,83% = 48.550.000 đồng, từ tháng 5/2017 đến tháng 08/2018 là 464.979.000 đồng x 15 tháng x 0,83% = 57.892.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 571.442.000 đồng.

- Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do bà có nhu cầu sử dụng quyền sử dụng đất, bà đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Lê Thị Thanh H, khi chuyển nhượng bà biết nguồn gốc quyền sử dụng đất do bà Lê Thị Thanh H nhận chuyển nhượng từ ông Hà Duy T. Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, bà Lê Thị Thanh H còn nợ lại của ông Hà Duy T 650.000.000 đồng. Sau đó ông Hà Duy T đồng ý chuyển toàn bộ số tiền bà H còn nợ sang cho bà và bà cũng đồng ý.

Vào ngày 30/6/2015 giữa bà và ông Hà Duy T có thỏa thuận lập vi bằng tại văn phòng Thừa phát lại D, trong vi bằng thể hiện nhiều nội dung, trong đó có nội dung chuyển giao toàn bộ số tiền còn thiếu từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang thành tiền vay, không thỏa thuận lãi suất, hình thức thanh toán *“Vợ chồng bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hà Duy T bằng hình thức trả dần hàng tháng cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Techcombank (để giảm bớt một phần nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Hà Duy T tại Ngân hàng Techcom bank)”*. Tuy trong nội dung vi bằng không thể hiện thời hạn bắt đầu thanh toán, số tiền cụ thể mỗi tháng phải thanh

toán, nhưng bà thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn là thời hạn bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015, số tiền mỗi tháng phải thanh toán là 14.000.000 đồng. Mặc dù bà và ông Trịnh Minh T có quan hệ vợ chồng nhưng số tiền còn nợ trên là số tiền nợ của cá nhân bà, không liên quan đến chồng bà là ông Trịnh Minh T.

Để thực hiện cam kết trên, từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 bà đã chuyển vào tài khoản của ông Hà Duy C với tổng cộng số tiền 185.021.000 đồng, bà còn nợ lại 464.979.000 đồng. Từ sau tháng 4/2017 bà không thanh toán thêm khoản tiền nào khác, lý do không tiếp tục thanh toán là do ông Hà Duy T luôn quấy phá việc làm ăn của bà.

Ngoài ra, bà còn cho ông Hà Duy T vay số tiền 941.000.000 đồng, giữa bà và ông Hà Duy T còn có hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và phần nhà của ông Hà Duy T xây dựng lấn chiếm sang phần đất nhà bà.

Nay, ông Hà Duy T yêu cầu vợ chồng bà phải thanh toán số tiền gốc còn nợ 464.979.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền trên với điều kiện ông Hà Duy T trả lại cho bà số tiền vay 941.000.000 đồng; yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nếu không tiếp tục cho thuê thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng và phải di dời phần nhà lấn chiếm sang đất của bà còn tiền lãi chậm thanh toán thì bà không đồng ý.

- Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Hồng Đ là anh Lê Văn C trình bày:

Số tiền bị đơn còn thiếu là tiền chung của hai vợ chồng bà, đồng thời bà Võ Hồng Đ thống nhất toàn bộ phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 464.979.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2016 là $650.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 0,83\% = 48.550.000 \text{ đồng}$, từ tháng 5/2017 đến tháng 08/2018 là $464.979.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 0,83\% = 57.892.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 571.442.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 24/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H có quan hệ là vợ chồng. Về số tiền 650.000.000 đồng vợ chồng ông còn nợ của ông Hà Duy T có nguồn gốc từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vào ngày 30/6/2015 vợ chồng ông thống nhất để một mình bà Nguyễn Thị H thay mặt ra văn phòng Thừa phát lại thị xã D lập vi bằng để chuyển giao toàn bộ số tiền còn thiếu trên sang thành tiền vay.

Tại vi bằng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, hình thức thanh toán là vợ chồng ông có nghĩa vụ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hà Duy T bằng hình thức trả dần hàng tháng cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Techcombank (để giảm bớt một phần nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Hà Duy C tại Ngân hàng Techcombank).

Để thực hiện nghĩa vụ trên, vợ ông đã thay mặt ông chuyển tiền vào tài khoản của anh Hà Duy C, thời gian chuyển tiền và số tiền đã chuyển bao nhiêu thì ông thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H có ý kiến như thế nào thì ông đều thống nhất.

- Tại bản tự khai ngày 29/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Duy C trình bày:

Anh và ông Hà Duy T có mối quan hệ là cha con, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận trong vi bằng với nội dung là vợ chồng bị đơn có trách nhiệm hàng tháng trả dần cả gốc và lãi thay cho anh tại ngân hàng Techcombank để giảm một phần nghĩa vụ của anh đang nợ tại Ngân hàng. Việc thỏa thuận trên hoàn toàn có sự đồng ý của hai bên và anh cũng thống nhất. Để thực hiện thỏa thuận, từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 bị đơn đã chuyển vào tài khoản của anh tổng cộng số tiền 185.021.000 đồng, sau đó bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Nay, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T phải trả số tiền còn thiếu và tiền lãi chậm thanh toán thì anh thống nhất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Hà Duy T yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn thiếu 464.979.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, còn tiền lãi chậm thanh toán đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật. Đối với các yêu cầu của bị đơn, do bị đơn không làm thủ tục yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Tòa án nhận định:

[1] Ông Hà Duy T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T có địa chỉ cư trú tại BT6, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B phải trả số tiền vay và tiền lãi chậm thanh toán. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay

tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T và anh Hà Duy C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc số tiền 650.000.000 đồng bị đơn còn thiếu từ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuy nhiên các bên thống nhất chuyển toàn bộ số tiền trên sang thành tiền vay được thể hiện tại vi bằng lập ngày 30/6/2015 tại Văn phòng Thừa phát lại D, thời hạn bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015, số tiền thanh toán mỗi tháng 14.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Sau đó, từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền 185.021.000 đồng, kể từ tháng 5/2017 trở đi không trả thêm khoản nào khác, số tiền còn nợ lại là 464.979.000 đồng. Nội dung này được các đương sự thừa nhận nên đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền vay còn lại 464.979.000 đồng, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền trên sau khi nguyên đơn thanh toán lại cho bị đơn số tiền vay 941.000.000 đồng từ giao dịch dân sự khác giữa hai bên, đồng thời nguyên đơn phải tiếp tục thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã được hai bên ký kết, nếu không tiếp tục thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng và phải di dời phần nhà nguyên đơn xây dựng đã lấn chiếm sang phần đất của bị đơn. Tuy nhiên, đối với các yêu cầu của bị đơn, Tòa án đã giải thích và cho bị đơn thời gian, trường hợp có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn thì phải làm đơn yêu cầu phản tố theo qui định của pháp luật nhưng bị đơn đã không làm thủ tục yêu cầu phản tố. Vì vậy, đối với các yêu cầu của bị đơn thì Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tại phiên tòa bị đơn trình bày số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là tiền nợ của cá nhân của bị đơn, không phải nợ chung của hai vợ chồng được thể hiện trong vi bằng lập ngày 30/6/2015 chỉ có mình bị đơn ký tên xác nhận. Xét thấy, trong nội dung của vi bằng thể hiện “Vợ chồng bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hà Duy T bằng hình thức trả dần hàng tháng cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Techcombank (để giảm bớt một phần nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Hà Duy C tại Ngân hàng Techcom bank)”, đồng thời tại bản tự khai ngày 24/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T thừa nhận số tiền còn thiếu của nguyên đơn được thể hiện trong nội dung của vi bằng là tiền nợ chung của hai vợ chồng. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T.

[6] Tại vi bằng ngày 30/6/2015 nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất chuyển giao toàn bộ số tiền 650.000.000 đồng còn thiếu từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang thành tiền vay, không thỏa thuận lãi suất, hình thức thanh toán “Vợ chồng bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán số tiền 650.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hà Duy T bằng hình thức trả dần hàng tháng cả gốc lẫn lãi cho Ngân hàng Techcombank (để giảm bớt một phần nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Hà Duy C tại Ngân hàng Techcom bank)”. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thời hạn bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015, mỗi tháng thanh toán số tiền 14.000.000 đồng được khấu trừ dần cho đến khi hết số tiền 650.000.000 đồng. Tháng 7/2015 cho đến tháng 3/2016 bị đơn không thanh toán, từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền 185.021.000 đồng, kể từ tháng 5/2017 bị đơn không trả thêm khoản nào khác, số tiền còn nợ lại là 464.979.000 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu phải thanh toán số tiền còn nợ 464.979.000 đồng là phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn” nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tiền lãi chậm thanh toán: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2016 là 650.000.000 đồng $\times$ 09 tháng $\times$ 0,83% = 48.550.000 đồng, từ tháng 5/2017 đến tháng 08/2018 là 464.979.000 đồng $\times$ 15 tháng $\times$ 0,83% = 57.892.000 đồng, tổng là 106.442.000 đồng. Tuy nhiên, theo sự thỏa thuận của hai bên thì mỗi tháng bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 14.000.000 đồng, thời hạn bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015 cho đến khi thanh toán hết số tiền 650.000.000 đồng. Như vậy, đối với số tiền nguyên đơn làm căn cứ để tính tiền lãi chậm thanh toán là không phù hợp. Chỉ có cơ sở xác định bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2016 (09 tháng) do không thực hiện nghĩa vụ đúng với sự thỏa thuận trên số tiền 14.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng là 5.229.000 đồng, từ tháng 5/2017 đến tháng 8/2018 (15 tháng) do không thực hiện nghĩa vụ đúng với sự thỏa thuận trên số tiền 14.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng là 29.631.000 đồng, tổng là 34.860.000 đồng, căn cứ tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Trường hợp bên vay có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn.

[8] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Duy T có đơn xin miễn nộp án phí, theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn đã trên 60 tuổi nên được xét miễn án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Duy T đối với bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T phải liên đới trả cho ông Hà Duy T số tiền là 499.839.000 đồng (bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) trong đó gồm: Tiền gốc 464.979.000 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng), tiền lãi 34.860.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hà Duy T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T phải trả tiền lãi chậm thanh toán là 71.582.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Duy T được miễn nộp tiền án phí. Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Minh T phải chịu 23.993.560 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng) tiền án phí.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- CCTHA DS thị xã D;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy